

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn  
vốn ngân sách huyện giai đoạn 2021 – 2025 (lần 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KBANG  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị quyết 90/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện);

Xét Tờ trình số 237/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách huyện giai đoạn 2021 - 2025 (lần 2); Báo cáo thẩm tra số 213/BC-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận thống nhất của đại biểu tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất thông qua điều chỉnh, bổ sung Điều 1 và biểu kèm theo Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện, cụ thể như sau:

**Nội dung điều chỉnh, bổ sung:** Điều chỉnh, bổ sung Điều 1 và biểu kèm theo Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện, cụ thể như sau:

**1. Giảm kế hoạch vốn 02 danh mục: 3.440 triệu đồng.**

- Đường Lê Văn Tám (đoạn Cầu Lê Văn Tám - Đường Đông Trường Sơn): 3.050 triệu đồng.

- Đường liên xã từ làng Bngãl, xã Kông Long Khong đi thôn 3 (thôn 5 cũ) xã Đăk Hlor, huyện Kbang: 390 triệu đồng.

**2. Tăng kế hoạch vốn 01 danh mục:**

- Ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay: 2.000 triệu đồng.

**3. Giảm 01 danh mục đầu tư với kế hoạch vốn:**

- Đền bù Tây Sông Ba, cụm công nghiệp: 6.200 triệu đồng.

**4. Tăng 05 danh mục đầu tư với kế hoạch vốn: 27.036,6 triệu đồng.**

- Trụ sở làm việc Công an xã Nghĩa An, xã Kon Pne: 3.000 triệu đồng.

- Mua xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng HĐND-UBND huyện: 1.600 triệu đồng.

- Mua máy tính bảng Ipad phục vụ khai thác tài liệu cho Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện: 200 triệu đồng.

- Đường Ngô Mây (đoạn Quang Trung – Hai Bà Trưng): 5.000 triệu đồng.

- Đối ứng các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, đối ứng các dự án vốn tỉnh quản lý (Đường giao thông quy hoạch Tây Sông Ba, huyện Kbang, Trung tâm Y tế huyện Kbang và các dự án phát sinh khác): 17.236,6 triệu đồng.

#### **5. Giảm dự phòng: 7.513 triệu đồng.**

#### **6. Bổ sung cơ cấu nguồn vốn:**

- Tăng nguồn thu tiền sử dụng đất: 5.889,6 triệu đồng.

- Bổ sung từ nguồn chi thường xuyên điều chỉnh sang chi đầu tư: 5.994 triệu đồng.

#### **7. Nội dung sau điều chỉnh:**

- Tăng tổng mức đầu tư: 172.053 triệu đồng, lên 184.327 triệu đồng;

- Tăng kế hoạch vốn: 136.130 triệu đồng, lên 148.013,6 triệu đồng; gồm:

+ Nguồn vốn tỉnh phân cấp: 116.130 triệu đồng;

+ Nguồn tiền sử dụng đất: 25.889,6 triệu đồng;

+ Nguồn chi thường xuyên điều chỉnh sang chi đầu tư: 5.994 triệu đồng.

- Tổng danh mục đầu tư: 28 danh mục.

*(Chi tiết có phụ lục kèm theo)*

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân huyện Kbang khóa VIII, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ Mười lăm, thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQ huyện;
- Đại biểu HĐND tỉnh được bầu tại huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Website huyện;
- Lưu VT, VP, TH. *(k)*

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Tuyên**

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGÂN SÁCH HUYỆN**  
(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 309/NQ-HĐND ngày 19/11/2023 của HĐND huyện)

ĐVT: Triệu đồng



| TT | Danh mục dự án   | Địa điểm xây dựng | Nội dung thiết kế   | Thời gian KC-HT | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư  | Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết 149) |                         |                   |                    | Kế hoạch sau điều chỉnh |                   |   |           | Ghi chú  |          |
|----|--|-------------------|---|-----------------|---|---|-------------------------|-------------------|--------------------|-------------------------|-------------------|---|-----------|----------|----------|
|    |  |                   |   |                 |   | Tổng số mức đầu tư                            | Tổng số XD/CB tập trung | Nguồn sử dụng đất | Tổng số mức đầu tư | Tổng số XD/CB tập trung | Nguồn sử dụng đất | Nguồn chi thường xuyên điều chỉnh sang chỉ đầu tư |           |          |          |
|    |  |                   |   |                 |   |   |                         |                   |                    |                         |                   |   | Trong đó  |          | Trong đó |
|    | Tổng cộng  |                   |   |                 |   | 172.053                                       | 136.130                 | 116.130           | 20.000             | 184.327,0               | 148.013,60        | 116.130   | 23.889,60 | 5.994,00 |          |
| 1  | Trường PTDTBT tiểu học Lê Văn Tâm  | Xã Krông          | Nhà hiệu bộ, nhà chức năng công trình cấp III, 2 tầng, diện tích xây dựng 313m <sup>2</sup> , diện tích sân 594m <sup>2</sup> . Nhà ở công trình cấp III, 2 tầng, diện tích xây dựng 200m <sup>2</sup> , diện tích sân 387m <sup>2</sup>  | 2021            | Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 28/12/2020                                       | 4.500,00                                      | 4.500,0                 | 4.500,0           |                    | 4.500,00                | 4.500,0           | 4.500,0   |           |          |          |
| 2  | Trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai   | Thị trấn Khang    | Nhà học chức năng công trình cấp III, 2 tầng, diện tích xây dựng 266m <sup>2</sup> + hàng mục phụ   | 2021            | Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 28/12/2020                                       | 3.000,00                                      | 3.000,0                 | 3.000,0           |                    | 3.000,00                | 3.000,0           | 3.000,0   |           |          |          |
| 3  | Sửa chữa nâng cấp Trụ sở HĐND-UBND huyện- Hàng mục: Sân đường đi, nhà để xe                        | Thị trấn Khang    | Diện tích 1340m <sup>2</sup> . Lát đá bazan tạo nhám dày 3cm, thay thành bồn hoa cây cảnh bằng đá Bazan, nền gara xe.   | 2021            | Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 28/12/2020                                       | 1.600,00                                      | 1.600,0                 | 1.600,0           |                    | 1.600,00                | 1.600,0           | 1.600,0   |           |          |          |
| 4  | Nâng cấp, mở rộng đường Giải phóng (Đoạn: Quang Trung - Ngõ Mây)                                   | Thị trấn Khang    | L=34m. Mở rộng mặt đường B=7,0m (bao gồm đan rãnh), kết cấu thảm BTN trên lớp CPDD. XD vỉa hè, HTCây & cải tạo hệ thống thoát nước  | 2021            | Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 28/12/2020                                       | 3.226,00                                      | 3.226,0                 | 3.226,0           |                    | 3.226,00                | 3.226,0           | 3.226,0   |           |          |          |
| 5  | Nâng cấp, mở rộng đường Lê Văn Tâm (Đoạn: Lê Lợi - Cầu Lê Văn Tâm)                                 | Thị trấn Khang    | Tổng chiều dài L=1260m, mặt đường trên cơ sở tận dụng mặt đường cũ rộng Bm=5,5m, cấp là mở rộng mỗi bên tổng bề rộng mặt đường B=10,5m (kể đan rãnh), kết cấu bằng BTX/M, bó vỉa, đan rãnh, vỉa hè bằng gạch Tezero; hố trồng cây; hệ thống thoát nước và an toàn giao thông  | 2021            | Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 28/12/2020. Nghị Quyết 10/NQ-HĐND ngày 20/4/2021 | 12.064,4                                      | 10.900,0                | 10.900,0          |                    | 12.064,4                | 10.900,0          | 10.900,0  |           |          |          |
| 6  | Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm, thị trấn Khang, huyện Khang   | Thị trấn Khang    | Nhà học bộ môn và lý thuyết Công trình dân dụng, cấp III, 02 tầng. DTXD: 606m <sup>2</sup> . DTS: 1184m <sup>2</sup> . Nhà thư viện: Công trình dân dụng, cấp III, 01 tầng. DTXD: 126m <sup>2</sup> . DTS: 126m <sup>2</sup> + Thiết bị cho phòng học bộ môn và Các hàng mục phụ khác: hệ thống PCCC. Hàng rào, sân đường mới bê, kê đất san nền, sửa chữa phòng hồi đồng | 2022-2023       | Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 05/8/2021   | 9.000,0                                       | 8.841,0                 | 8.841,0           |                    | 9.000,0                 | 8.841,0           | 8.841,0   |           |          |          |
| 7  | Đường Quy hoạch Tô dân phố 4, thị trấn Khang (đoạn từ ngã 3 Ban Y tế dự phòng - đường Quang Trung) | Thị trấn Khang    | Chiều dài khoảng L=289,18m, mặt BTX/M rộng 5,5m; hệ thống thoát nước  | 2022            | Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 05/8/2021   | 1.600,0                                       | 1.600,0                 | 1.600,0           |                    | 1.600,0                 | 1.600,0           | 1.600,0   |           |          |          |
| 8  | Mương tiêu thụ thị trấn Khang (đoạn Lê Quý Đôn - Kê chống sạt lở suối Đắc Lốp)                     | Thị trấn Khang    | Chiều dài khoảng L=316,55 m, mương bằng BTCT KT(400x300)cm, đáy đơn 128m  | 2022            | Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 05/8/2021   | 5.900,0                                       | 5.900,0                 | 5.900,0           |                    | 5.900,0                 | 5.900,0           | 5.900,0   |           |          |          |
| 9  | Trường tiểu học Nguyễn Đình Chiểu, xã Đông, huyện Khang  | Xã Đông           | Công trình dân dụng cấp III, 02 tầng, nhà học 04 phòng, nhà chức năng + lý thuyết 02 phòng + thiết bị và công trình phụ trợ   | 2022            | Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 05/8/2021   | 4.000,0                                       | 4.000,0                 | 4.000,0           |                    | 4.000,0                 | 4.000,0           | 4.000,0   |           |          |          |

| TT | Danh mục dự án  | Địa điểm xây dựng  | Nội dung thiết kế  | Thời gian KC-HT | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư   | Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết 149) |                        |                           |                    | Kế hoạch sau điều chỉnh |                           |         |                | Ghi chú |                   |   |
|----|---|--------------------|--|-----------------|--|---|------------------------|---------------------------|--------------------|-------------------------|---------------------------|---------|----------------|---------|-------------------|---|
|    |   |                    |  |                 |  | Tổng số mức đầu tư                            | Tổng số XDCB tập trung | Tổng số Nguồn sử dụng đất | Tổng số mức đầu tư | Tổng số XDCB tập trung  | Tổng số Nguồn sử dụng đất | Tổng số | XDCB tập trung |         | Nguồn sử dụng đất | Nguồn chi thường xuyên điều chỉnh sang chi đầu tư |
|    |   |                    |  |                 |  |   |                        |                           |                    |                         |                           |         |                |         |                   |   |
| 10 | Sửa chữa, nâng cấp Đèn tường niệm Liệt sĩ Ka Nak, thị trấn Kbang, huyện Kbang                 | Thị trấn Kbang     | Công trình dân dụng (công trình văn hóa) cấp III, lát đá Bazan sân đến diện tích khoảng S=1500m <sup>2</sup> , bậc cấp và hạng mục phụ trợ                                       | 2022            | Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 05/8/2020  | 2.000,0                                       | 2.000,0                | 2.000,0                   | 2.000,0            | 2.000,0                 | 2.000,0                   | 2.000,0 |                |         |                   |   |
| 11 | Trụ sở UBND xã Đăk HLơ, huyện Kbang; Hạng mục: Hội trường Văn hóa đa năng                     | Xã Đăk HLơ         | Công trình dân dụng cấp III, 1 tầng DTXD 320m <sup>2</sup> , thiết bị bàn ghế  | 2022            | Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 05/8/2021  | 1.700,0                                       | 1.700,0                | 1.700,0                   | 1.700,0            | 1.700,0                 | 1.700,0                   | 1.700,0 |                |         |                   |   |
| 12 | Đường liên xã từ làng Bangl, xã Kông Long Khong đi thôn 3 (thôn 5 cũ) xã Đăk HLơ, huyện Kbang | Xã Kông Long Khong | Công trình cấp IV miền núi, L=6,58 km, Bm=7,5 m, Bm=5,5m, hệ thống thoát nước  | 2022-2023       | Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 21/10/2022  | 36.500,0                                      | 3.300,0                | 3.300,0                   | 36.500,0           | 3.300,0                 | 3.300,0                   | 2.910,0 |                |         |                   |   |
| 13 | Ủy thác qua Ngân hàng CSXH để cho vay đối với người nghèo, người chấp hành xong án phạt tù    | Toàn huyện         | 03 năm   | 2023-2025       | Quyết định 28/2017/QĐ-UBND ngày 06/09/2017; Quyết định 22/QĐ-TTg ngày 17/08/2013 | 4.500,0                                       | 4.500,0                | 4.500,0                   | 6.500,0            | 4.500,0                 | 4.500,0                   | 6.500,0 |                |         |                   |   |
| 14 | Trường PTDTBT Tiểu học & THCS Đăk Smar, xã Đăk Smar, huyện Kbang                              | Xã Đăk Smar        | Công trình dân dụng cấp III, 03 tầng, mưa nước 00 môn 04 phòng, DTXD: 327m <sup>2</sup> DTS: 640m <sup>2</sup> Thiết bị  | 2022-2023       | Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 24/12/2021   | 3.500,0                                       | 3.500,0                | 3.500,0                   | 3.500,0            | 3.500,0                 | 3.500,0                   | 3.500,0 |                |         |                   |   |
| 15 | Mở rộng đường trung tâm xã Sơn Lang, huyện Kbang  | Xã Sơn Lang        | Nâng cấp mở rộng mặt đường, xây dựng vỉa hè bằng BTXM, hồ trồng cây và hệ thống thoát nước   | 2022-2024       |  | 7.500,0                                       | 7.500,0                | 7.500,0                   | 7.500,0            | 7.500,0                 | 7.500,0                   | 7.500,0 |                |         |                   |   |
| 16 | Đường trung tâm xã Sơn Pai, huyện Kbang   | Xã Sơn Pai         | L=740m, cấp bê, mở rộng 2 bên đảm bảo mặt BTXM rộng 10,5m, láng nhựa 2 lớp, hoàn thiện mương rãnh thoát nước, bờ vỉa, vỉa hè BTXM  | 2022-2024       | Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 24/12/2021   | 3.500,0                                       | 3.500,0                | 3.500,0                   | 3.500,0            | 3.500,0                 | 3.500,0                   | 3.500,0 |                |         |                   |   |
| 17 | Đường Lê Thánh Tông (đoạn Hùng Vương - Lý Thái Tổ bao gồm lối vào Trường Kim Đông)            | Thị trấn Kbang     | L=380m, Mở rộng mặt đường B=7,0m (bao gồm dải rãnh), kết cấu BTXM; XD vỉa hè (khu vực trường TH Kim Đông) & hệ thống thoát nước  | 2023-2024       | Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 05/8/2021  | 1.850,0                                       | 1.850,0                | 1.850,0                   | 1.850,0            | 1.850,0                 | 1.850,0                   | 1.850,0 |                |         |                   |   |
| 18 | Đường Lê Văn Tám (đoạn Cầu Lê Văn Tám - Đường Đông Trường Sơn), thị trấn Kbang, huyện Kbang   | Thị trấn Kbang     | Chiều dài L=1150m, Bề rộng mặt đường Bm=10,5m bằng bê tông nhựa, hệ thống thoát nước ngang, mương rãnh đầy đơn, vỉa hè bằng đất  | 2023-2025       | Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 19/12/2023  | 18.000,0                                      | 18.000,0               | 18.000,0                  | 14.950,0           | 18.000,0                | 18.000,0                  | 8.956,0 | 5.994,0        |         |                   |   |
| 19 | Mường tiêu thị trấn (Đoạn Nguyễn Du đến đường Lê Văn Tám), thị trấn Kbang, huyện Kbang        | Thị trấn Kbang     | Mương thoát nước bằng BTCT, dây đan chiều dài L=864,87m; kích thước mặt cắt ngang đoạn 1: (100x100)cm dài L=220m; đoạn 2: (150x150)cm dài L=220m; đoạn 3: (200x200)cm dài L=410m | 2023-2025       | Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 24/12/2021   | 8.000,0                                       | 8.000,0                | 8.000,0                   | 8.000,0            | 8.000,0                 | 8.000,0                   | 8.000,0 |                |         |                   |   |
| 20 | Đường Võ Thị Sáu nối dài (đoạn Trần Bình Trọng - Quang Trung)                                 | Thị trấn Kbang     | L=333m, mặt đường BTN rộng Bm=5,5-7,5m, hệ thống thoát nước  | 2023-2025       | Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 24/12/2021   | 1.600,0                                       | 1.600,0                | 1.600,0                   | 1.600,0            | 1.600,0                 | 1.600,0                   | 1.600,0 |                |         |                   |   |

| TT | Danh mục dự án   | Địa điểm xây dựng       | Nội dung thiết kế   | Thời gian K-C- HT | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư                  | Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 (Nghị quyết 149) |          |                |                   | Kế hoạch sau điều chỉnh |          |                |                   | Chi phí |
|----|--|-------------------------|---|-------------------|---|---|----------|----------------|-------------------|-------------------------|----------|----------------|-------------------|---------|
|    |  |                         |   |                   |   | Tổng số mức đầu tư                            | Tổng số  | Trong đó       |                   | Tổng số mức đầu tư      | Tổng số  | Trong đó       |                   |         |
|    |  |                         |   |                   |   |   |          | XDCB tập trung | Nguồn sử dụng đất |                         |          | XDCB tập trung | Nguồn sử dụng đất |         |
| 21 | Đổi ứng kiến cổ hóa hạ tầng giao thông, kênh mương, đền bù các công trình dự án của huyện  | Toàn huyện              | Dự kiến đầu tư 63km giao thông nông thôn, đền bù các công trình dự án của huyện   | 2021-2025         | Nghị quyết số 280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh | 20.000,0                                      | 20.000,0 |                | 20.000,0          | 20.000,0                |          | 20.000,0       |                   |         |
| 22 | Trụ sở làm việc Công an các xã trên địa bàn huyện Kbang, tỉnh Gia Lai (07 xã)  | Toàn huyện              | Công trình dân dụng cấp IV, 01 tầng; DTXD: 139,52 m <sup>2</sup>  | 2022-2025         |   | 4.200,0                                       | 2.800,0  | 2.800,0        | 4.200,0           | 2.800,0                 | 2.800,0  |                |                   |         |
| 23 | Nhà làm việc xã đội trên địa bàn huyện Kbang, tỉnh Gia Lai (01 xã)   | Toàn huyện              | Xây mới công trình dân dụng cấp IV, 01 tầng; DTXD: 139,52 m <sup>2</sup> , sửa chữa nâng cấp công trình hiện có   | 2022-2025         |   | 600,0   | 600,0    | 600,0          | 600,0             | 600,0                   | 600,0    |                |                   |         |
| 24 | Trụ sở làm việc Công an xã Nghĩa An, xã Kon Pnê  | Xã Nghĩa An, Xã Kon Pnê | Diện tích 234m <sup>2</sup> /Nhà  | 2024              | Nghị quyết số 205/NQ-HĐND ngày 19/12/2023               |   |          |                | 3.000,0           | 3.000,0                 | 3.000,00 |                |                   |         |
| 25 | Mua xe ô tô phục vụ công tác chung của văn phòng HĐND-UBND huyện   |                         |   | 2024-2025         |   |   |          |                | 1.600,0           | 1.600,0                 | 1.600,00 |                |                   |         |
| 26 | Mua máy tính bảng phục vụ khai thác tài liệu của Đại biểu HĐND huyện nhiệm kỳ 2016-2021  |                         |   | 2024              | Nghị quyết số 206/NQ-HĐND ngày 19/12/2023               |   |          |                | 200,0             | 200,0                   | 200,00   |                |                   |         |
| 27 | Đền bù khu công nghiệp + Tây Sông Ba   | Xã Đòng                 |   | 2023-2025         |   | 6.200,0                                       | 6.200,0  | 6.200,0        |                   | -                       |          |                |                   |         |
| 28 | Dương Ngô Máy (đoạn Quang Trung - Hai Bà Trưng)  | Thị trấn Kbang          | Nâng cấp mặt đường BTXM hiện có bằng lớp Bê tông nhựa nóng dày 7cm với chiều dài L= 411m; Đan rãnh, bó vỉa, Vĩa hè và hố trồng cây và Hệ thống thoát nước | 2023-2025         | Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 19/12/2023               |   |          |                | 5.000,0           | 5.000,0                 | 5.000,0  |                |                   |         |
| 29 | Dự phòng   |                         |   | 2023-2025         |   | 7.513,0                                       | 7.513,0  | 7.513,0        |                   | -                       |          |                |                   |         |
| 30 | Đổi ứng các dự án đầu tư thuộc Chương trình MTQG, đổi ứng các dự án vốn tình quân lý (Đường giao thông quy hoạch Tây Sông Ba, huyện Kbang, Trung tâm Y tế huyện Kbang) | Toàn huyện              |   | 2023-2025         | Nghị quyết 193, 134, NQ 250                             |   |          |                | 17.236,6          | 17.236,6                | 11.347,0 | 5.889,6        |                   |         |

